

Lịch Học dành cho Học Viên Reynolds
Năm học 2024-2025



THÁNG 9 2024						
Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
1	2	FD	FD	5	6	7
8	L	10	11	12	13	14
15	L	17	18	19	20	21
22	L	24	25	26	27	28
29	L					

THÁNG 10 2024						
Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
		1	2	3	4	5
6	L	8	9	10	NS	12
13	Cao/Thấp	15	16	17	18	19
20	L	22	23	24	25	26
27	L	29	30	31		

THÁNG 11 2024						
Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
					1	2
3	L	5	6	7	NS	9
10	NS	12	13	14	15	16
17	L	19	20	21	22	23
24	NS	C	C	NS	NS	30

THÁNG 12 2024						
Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
1	Cao/Thấp	3	4	5	6	7
8	L	10	11	12	13	14
15	L	17	18	19	20	21
22	NS	NS	NS	NS	NS	28
29	NS	NS				

THÁNG 1 2025						
Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
			NS	NS	NS	4
5	L	7	8	9	10	11
12	L	14	15	16	17	18
19	NS	21	22	23	NS	25
26	NS	H	29	30	31	

THÁNG 2 2025						
Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
						1
2	L	4	5	6	7	8
9	L	11	12	13	NS	15
16	NS	18	19	20	21	22
23	L	25	26	27	28	

THÁNG 3 2025						
Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
						1
2	L	4	5	6	7	8
9	Cao/Thấp	11	12	13	14	15
16	L	18	NS	C	C	22
23	NS	NS	NS	NS	NS	29

THÁNG 4 2025						
Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
30	L	1	2	3	4	5
6	L	8	9	10	NS	12
13	L	15	16	17	18	19
20	L	22	23	24	25	26
27	L	29	30			

THÁNG 5 2025						
Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
				1	2	3
4	Cao/Thấp	6	7	8	9	10
11	L	13	14	15	16	17
18	L	20	21	22	23	24
25	NS	27	28	29	30	31

THÁNG 6 2025						
Chủ Nhật	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
1	L	3	LD	5	6	7
8	L	10	LD	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

Ghi Chú						
Ngày Đầu Tiên (FD) và Ngày Cuối Cùng (LD) Đến Trường						
Nghỉ học (NS)						
Họp phụ huynh, Nghỉ học (C)						
Bắt đầu Hexter mới (H)						
Lần bắt đầu cuối cùng vào Thứ Hai (1 giờ & 10 phút)						

NHỮNG NGÀY QUAN TRỌNG	
9/3	Ngày đầu tiên: Học sinh mới
9/4	Ngày đầu tiên: Học sinh trở về
10/11	Nghỉ học
10/14	Bắt đầu Hexter 2
11/8	Nghỉ học
11/11	Nghỉ học
11/25-29	Nghỉ học
11/26-27	Họp phụ huynh
12/2	Bắt đầu Hexter 3
12/23-31	Nghỉ học
1/1-3	Nghỉ học
1/20	Nghỉ học
1/27	Nghỉ học
1/28	Bắt đầu Hexter 4
2/14	Nghỉ học
2/21	Nghỉ học
3/10	Bắt đầu Hexter 5
3/19-28	Nghỉ học
3/20-21	Họp phụ huynh
4/11	Nghỉ học
5/5	Bắt đầu Hexter 6
5/26	Nghỉ học
6/4	Ngày cuối cùng của học sinh cuối cấp
6/11	Ngày cuối cùng của trường